

Chương 9: Đầu tư

1. TPP yêu cầu các nước thành viên phải đối xử với nhà đầu tư đến từ các nước TPP khác theo chuẩn nào?

Chương Đầu tư của TPP đặt ra các nguyên tắc chung trong đối xử với nhà đầu tư đến từ các nước TPP mà các nước Thành viên buộc phải tuân thủ. Các nguyên tắc (tiêu chuẩn ứng xử) này có thể được xếp thành 02 nhóm: một là các nguyên tắc nhằm bảo hộ đầu tư nói chung, hai là các nguyên tắc bảo vệ các lợi ích cụ thể của nhà đầu tư.

(i) Nhóm các nguyên tắc mở cửa thị trường, xóa bỏ rào cản đầu tư

Nhóm này bao gồm 03 nguyên tắc cơ bản, được ghi nhận khá phổ biến trong nhiều FTA thời gian gần đây, bao gồm:

- Các nguyên tắc không phân biệt đối xử

(National Treatment – NT và Most Favoured-Nation Treatment – MFN)

Các nguyên tắc NT và MFN đòi hỏi Nhà nước nơi nhận đầu tư phải đối xử với các nhà đầu tư tới từ các nước TPP ít nhất là bằng đối xử với nhà đầu tư nội địa của mình (gọi là “đối xử quốc gia” – NT) và không kém hơn đối xử với bất kỳ nước nào khác (gọi là “đối xử tối huệ quốc” – MFN).

Tuy nhiên, TPP cho phép các nước được đặt ra các thủ tục/quy định riêng cho nhà đầu tư nước ngoài, miễn là các thủ tục này không làm ảnh hưởng đáng kể tới mức độ bảo hộ nhà đầu tư theo các nguyên tắc TPP. Ví dụ, Việt Nam vẫn có thể duy trì các quy định trong Luật Đầu tư 2014 với các thủ tục đăng ký đầu tư riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài khác với thủ tục áp dụng cho nhà đầu tư trong nước..

- Nguyên tắc liên quan tới “Các yêu cầu về hoạt động” (Performance Requirements)

Nguyên tắc này cấm Nhà nước nơi nhận đầu tư đặt ra các yêu cầu bắt buộc liên quan tới:

+ Việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, hoạt động/vận hành của khoản đầu tư (kiểu như phải xuất khẩu một tỷ lệ nhất định sản phẩm sản xuất ra; phải đạt được một tỷ lệ nội địa hóa nhất định; phải mua, sử dụng sản phẩm cho một chủ thể nào đó được chỉ định; phải đảm bảo tỷ lệ nhất định giữa kim ngạch/giá trị xuất khẩu với khoản ngoại tệ được chuyển; phải chuyển giao công nghệ, quy trình hoặc kiến thức cụ thể nào đó cho một chủ thể nội địa...);

+ Mức giá hay trị giá bản quyền theo hợp đồng li-xăng hay thời hạn bắt buộc đối với hợp đồng này.

Nhà nước cũng bị cấm không được dùng các yêu cầu trên làm điều kiện để xem xét cấp hay không cấp các ưu đãi dành cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, các nước được đặt ra yêu cầu về việc sử dụng lao động nội địa trong các dự án đầu tư của các nhà đầu tư TPP.

(ii) *Nhóm các nguyên tắc nhằm đảm bảo quyền tự chủ của nhà đầu tư*

Nhóm này bao gồm 04 nguyên tắc nhằm hạn chế sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư, bao gồm:

- *Nguyên tắc “chuẩn đối xử tối thiểu” (Minimum Standard of Treatment – MST)*
“Chuẩn đối xử tối thiểu” được hiểu là theo nghĩa thông dụng là đối xử công bằng, thỏa đáng, bảo hộ an toàn, đầy đủ theo tập quán quốc tế. Tuy nhiên, do có nội hàm khá chung chung này, “chuẩn đối xử tối thiểu” đã trở thành nguyên tắc gây tranh cãi khá nhiều trong các vụ kiện tụng về đầu tư, theo đó nhà đầu tư dựa vào nguyên tắc này để phản đối bất kỳ quy định nào của nước nhận đầu tư mà bất lợi cho mình. Trong TPP, đã có thêm một số nỗ lực để giới hạn phạm vi của nguyên tắc này. Cụ thể, TPP yêu cầu “chuẩn đối xử tối thiểu” phải là các nguyên tắc phù hợp với “tập quán pháp luật quốc tế”, được hiểu là các nguyên tắc quốc tế về bảo vệ đầu tư nước ngoài đã trở thành tập quán chung được các quốc gia áp dụng phổ biến và liên tục và coi đó như nghĩa vụ bắt buộc của mình.

Đặc biệt, TPP khẳng định việc Nhà nước có một biện pháp chính sách pháp luật hay thủ tục nào đó khác với dự kiến/mong đợi của nhà đầu tư TPP sẽ không bị coi là vi phạm “chuẩn đối xử tối thiểu”, kể cả khi việc làm đó của Nhà nước gây ra thiệt hại cho nhà đầu tư TPP. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng nhà đầu tư kiện đòi Nhà nước bồi thường cho mình chỉ vì một chính sách mới nào đó của Nhà nước khiến lợi nhuận kinh doanh của nhà đầu tư không được như kỳ vọng trước đó của nhà đầu tư.

- *Nguyên tắc Bảo vệ tài sản của nhà đầu tư trước các biện pháp tịch thu, cưỡng chế, quốc hữu hóa*

Với nguyên tắc này, Nhà nước chỉ được tịch thu, cưỡng chế hay quốc hữu hóa các khoản đầu tư của nhà đầu tư TPP vì mục đích công cộng và phải thực thi không phân biệt đối xử, tuân thủ các quy trình và đảm bảo việc bồi thường nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, đúng giá thị trường tại thời điểm liền trước việc tịch thu/cưỡng chế.

Chú ý là các biện pháp được thực thi không phân biệt đối xử, với mục tiêu bảo vệ các lợi ích công cộng chính đáng (sức khỏe cộng đồng, an toàn và môi trường) sẽ không bị coi là các biện pháp tịch thu/cưỡng chế/quốc hữu hóa gián tiếp trừ trong các trường hợp rất hãn hữu.

- *Nguyên tắc Bảo đảm việc chuyển vốn tự do*

Nhà nước nơi nhận đầu tư phải cho phép các nhà đầu tư tự do chuyển vốn liên quan tới khoản đầu tư (ví dụ vốn góp ban đầu, lợi nhuận, cổ phần, các khoản lãi, phí bản quyền, trị giá hợp đồng, bồi thường tranh chấp...). Tuy nhiên, nguyên tắc này sẽ không áp dụng trong một số ngoại lệ (ví dụ nếu để bảo vệ các chủ nợ nội địa

trong trường hợp nhà đầu tư TPP bị phá sản; nếu liên quan tới các tội hình sự hoặc các thủ tục tố tụng tại Tòa án...).

- **Nguyên tắc liên quan tới “Nhân sự quản lý cao cấp và Ban lãnh đạo”** Nguyên tắc này cấm Nhà nước nơi nhận đầu tư đặt ra các yêu cầu về quốc tịch bắt buộc của nhân sự cao cấp hay Ban lãnh đạo. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn có quyền yêu cầu đa số các thành viên của Ban lãnh đạo doanh nghiệp đầu tư nước ngoài từ TPP phải có quốc tịch của một nước hoặc phải cư trú trên lãnh thổ nước mình.

Luật Đầu tư 2014, được soạn thảo và ban hành trong quá trình Việt Nam đàm phán TPP, đã hầu như nội luật hóa đa số các nguyên tắc này.

Lưu ý với doanh nghiệp

Các nguyên tắc trong TPP về đầu tư hướng tới việc không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư nước ngoài (từ các nước TPP khác) và nhà đầu tư nội địa nhằm bảo vệ tốt hơn lợi ích của nhà đầu tư TPP (trong bối cảnh nhà đầu tư nội địa thường được làm tất cả mọi việc còn nhà đầu tư nước ngoài thì bị hạn chế). Nói cách khác, các nguyên tắc này chủ yếu đưa mức đối xử đối với nhà đầu tư TPP lên cho bằng với mức đối xử với nhà đầu tư nội địa.

Tuy nhiên, trong số các nguyên tắc này cũng có những trường hợp mang lại ưu thế cao hơn cho nhà đầu tư TPP so với các nhà đầu tư nội địa: ví dụ “chuẩn đối xử tối thiểu” – theo đó nhà đầu tư nước ngoài có thể viện dẫn chuẩn đối xử này mà không phải căn cứ vào quy định pháp lý bằng văn bản cụ thể nào, điều mà nhà đầu tư trong nước không được hưởng.

2. Các bảo lưu và ngoại lệ được TPP thừa nhận trong đối xử với nhà đầu tư nước ngoài?

Mặc dù đặt ra các nguyên tắc chung về đầu tư khá chặt chẽ, TPP lại bao gồm nhiều trường hợp ngoại lệ/bảo lưu, cho phép tất cả các nước hoặc một số nước không phải tuân thủ các nguyên tắc chung nói trên. Các ngoại lệ này bao gồm nhóm ngoại lệ chung (mà tất cả các nước được áp dụng) và ngoại lệ riêng (chỉ áp dụng riêng cho từng nước).

(i) Nhóm các ngoại lệ chung

Các Ngoại lệ chung bao gồm ngoại lệ trong các trường hợp được liệt kê (mua sắm công, trợ cấp và hỗ trợ của Nhà nước, các ngoại lệ trong TRIPS của WTO...).

(ii) Nhóm các ngoại lệ/bảo lưu riêng

- **Các Danh mục bảo lưu của từng nước TPP**

Các Danh mục này còn được biết tới dưới tên Danh mục các Biện pháp không tương thích. Cụ thể, mỗi nước Thành viên TPP có 02 Danh mục các Biện pháp không tương thích, tập hợp các lĩnh vực đầu tư và các biện pháp đầu tư không phải tuân thủ một hoặc một số các nguyên tắc chung của TPP về đầu tư. Mỗi nước vẫn được phép áp

dụng các biện pháp trong các lĩnh vực, theo cách thức đã nêu trong các Danh mục này dù không đúng với các nguyên tắc chung về đầu tư của TPP.

Đối với Việt Nam, với 02 Danh mục các biện pháp không tương thích mà Việt Nam bảo lưu, việc mở cửa về đầu tư trong TPP của Việt Nam về cơ bản được đánh giá là bằng với mức mở cửa thực tế của Việt Nam hiện nay (trừ một số ít trường hợp cao hơn mức mở cửa thực tế của Việt Nam theo WTO, ví dụ trong mức mở cửa về dịch vụ phân phối, viễn thông...) (Xem thêm về 02 Danh mục này tại Câu 39).

- *Các Bảo lưu riêng khác*

Ngoài 02 Danh mục nói trên, mỗi nước có thể có bảo lưu riêng khác của mình.

Ví dụ đối với Danh mục các biện pháp không tương thích đang tồn tại, Việt Nam bảo lưu trong 03 năm quyền có thể tiến hành các điều chỉnh đối với các biện pháp này kể cả theo hướng hạn chế hơn miễn là không làm giảm mức tuân thủ TPP; và Việt Nam thậm chí vẫn có thể điều chỉnh theo hướng giảm mức tuân thủ miễn là không rút lại các quyền và lợi ích đã cho nhà đầu tư TPP hưởng trước đó và thông báo trước cho các nước TPP về các điều chỉnh này trước 90 ngày.

Lưu ý với doanh nghiệp

Với việc phải đối xử với các nhà đầu tư nước ngoài theo chuẩn như cam kết trong TPP, có thể nói công cụ/không gian còn lại để Nhà nước có thể bảo vệ, ưu tiên cho các nhà đầu tư nội địa hoặc để bảo vệ các lợi ích quan trọng trong nước đã bị hạn chế đáng kể.

Tuy nhiên, với các ngoại lệ, bảo lưu này, Việt Nam vẫn có thể vận dụng để dành ưu tiên cho doanh nghiệp nội địa hoặc bảo vệ các lợi ích quan trọng và bỏ qua các nguyên tắc đối xử nói trên. Doanh nghiệp cần chú ý tới các ngoại lệ này để có thể bảo hộ, dành ưu tiên hợp pháp cho sản xuất-kinh tế-xã hội nội địa.

3. TPP có bảo đảm quyền của nhà đầu tư trong nước tương tự với nhà đầu tư nước ngoài không?

Về nguyên tắc, các quy định về bảo hộ đầu tư và quyền của nhà đầu tư trong Chương Đầu tư của TPP chỉ liên quan tới đối xử của Nhà nước nơi nhận đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài đến từ các nước TPP và/hoặc các khoản đầu tư của các nhà đầu tư TPP này.

Cụ thể, đối với trường hợp của Việt Nam, các nguyên tắc về chỉ áp dụng cho nhà đầu tư TPP và Khoản đầu tư của nhà đầu tư TPP.

- *Nhà đầu tư TPP* được hiểu là nhà đầu tư (Nhà nước, doanh nghiệp hoặc công dân) của một nước TPP khác đang hoặc đã thực hiện đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, trường hợp nhà đầu tư TPP nhưng được sở hữu hoặc kiểm soát bởi một Nhà

nước, tổ chức hay cá nhân của một nước bên ngoài TPP hay của chính Việt Nam thì cũng sẽ không được hưởng các quyền theo TPP. Cũng như vậy, nhà đầu tư TPP nhưng không có hoạt động kinh doanh đáng kể ở bất kỳ nước TPP nào ngoại trừ Việt Nam cũng sẽ không được hưởng các quyền này.

- *Khoản đầu tư của nhà đầu tư TPP* được hiểu là bất kỳ khối tài sản nào mà nhà đầu tư TPP sở hữu hoặc kiểm soát một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, có tính chất đầu tư (bao gồm các đặc tính như cam kết dành một khoản vốn, với mục đích thu lợi nhuận và suy đoán là có rủi ro). Khoản đầu tư này bắt buộc phải tồn tại tại hoặc sau thời điểm TPP có hiệu lực với Việt Nam. Như vậy với các khoản đầu tư của các nhà đầu tư TPP đã thực hiện nhưng đã kết thúc hoặc chấm dứt trước khi TPP có hiệu lực với Việt Nam sẽ không được hưởng các quyền theo quy định của TPP.

Riêng nguyên tắc liên quan tới “*Các yêu cầu về hoạt động*” (*Performance Requirements*) sẽ áp dụng cho tất cả các nhà đầu tư và khoản đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam.

Lưu ý với doanh nghiệp

Về nguyên tắc các chuẩn đối xử với nhà đầu tư trong TPP chỉ phải áp dụng cho nhà đầu tư từ các nước TPP khác chứ không phải từ các nước nằm ngoài TPP, trừ các trường hợp nêu rõ là áp dụng chung.

Tuy nhiên, trên thực tế, với nhu cầu nội tại trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khá nhiều trong số này là các quyền của nhà đầu tư trong TPP được Việt Nam quy định chung, áp dụng đồng thời cho tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, hoặc cả cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Vì vậy, ngay trong Chương Bảo đảm đầu tư của Luật Đầu tư 2014 phần lớn các nguyên tắc này của TPP đã được đưa vào thành nguyên tắc áp dụng chung cho mọi nhà đầu tư và khoản đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam (trừ các trường hợp ngoại lệ theo cam kết).

4. Nhà đầu tư từ các nước TPP có quyền kiện Nhà nước Việt Nam không?

Bên cạnh phần chung về các nguyên tắc đầu tư, Chương Đầu tư của TPP còn có một phần riêng quy định về Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài (Investor-State Disputes Settlement – Cơ chế ISDS).

Cơ chế này cho phép Nhà đầu tư TPP được kiện Nhà nước nơi nhận đầu tư ra Trọng tài quốc tế độc lập với Tòa án hay Cơ quan giải quyết tranh chấp của Nhà nước đó. Đối với Việt Nam, Cơ chế ISDS được hiểu là Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư TPP với Nhà nước Việt Nam thực hiện bởi Trọng tài độc lập (thay vì Tòa án nhân dân các cấp).

Đây là vấn đề gây tranh cãi lớn trong quá trình đàm phán TPP. Do trong các vụ việc kiểu này, Nhà nước không bao giờ có lợi, thậm chí luôn đứng trước nguy cơ thiệt hại lớn (bởi

kể cả khi thắng kiện thì cũng chỉ là giữ như cũ; còn nếu thua kiện có thể sẽ phải đền bù cho nhà đầu tư nước ngoài những khoản rất lớn từ ngân sách Nhà nước, và có thể phải duy trì biện pháp mà mình không mong muốn), một số nước đang phát triển như Việt Nam lo ngại là mình sẽ bị thiệt thòi trước các nhà đầu tư TPP sành sỏi (trong khi nhà đầu tư của mình thì ít đầu tư ra các nước TPP, có đầu tư chẳng nữa cũng không đủ kinh nghiệm và nguồn lực để đi kiện khi cần thiết). Tuy nhiên, cũng có những ý kiến cho rằng cơ chế này, với các nguy cơ kèm theo, sẽ là một sức ép để buộc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đầu tư phải hành xử đúng nguyên tắc và pháp luật, tránh để bị kiện.

Lưu ý với doanh nghiệp

Cơ chế ISDS trong TPP chỉ áp dụng cho các nhà đầu tư các nước TPP ở Việt Nam và các nhà đầu tư Việt Nam ở các nước TPP. Các nhà đầu tư trong nước không được phép sử dụng cơ chế kiện trực tiếp Nhà nước ra trọng tài quốc tế này mà vẫn phải tuân thủ các cơ chế khiếu nại, khiếu kiện hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Trên thực tế, pháp luật Việt Nam cũng đã cho phép các nhà đầu tư trong nước được sử dụng cơ chế trọng tài để giải quyết tranh chấp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng phải theo các điều kiện ràng buộc chặt chẽ (ví dụ cần có sự đồng ý, chấp thuận của Nhà nước qua điều khoản trọng tài).

5. Theo TPP, nhà đầu tư nào có quyền kiện Nhà nước? Đơn vị nào của Nhà nước có thể bị kiện? Kiện vì cái gì? Trong thời hạn nào?

Mặc dù đây không phải là lần đầu tiên Việt Nam chấp thuận cơ chế cho phép nhà đầu tư nước ngoài kiện Nhà nước ra trọng tài nước ngoài (cơ chế ISDS), cơ chế ISDS trong TPP vẫn là rất mới với Việt Nam. Bởi khác với nhiều cam kết rất chung về ISDS trong các thỏa thuận thương mại – đầu tư song phương trwoocs đây giữa Việt Nam với các nước (trừ Hiệp định thương mại song phương Việt – Mỹ), cơ chế ISDS trong TPP rất chi tiết, với các quy định đồ sộ về các chủ thể liên quan cũng như phạm vi tranh chấp.

Cụ thể:

- **Chủ thể được quyền khởi kiện** (Nguyên đơn) theo Cơ chế ISDS của TPP là *Nhà đầu tư TPP*. Nhà đầu tư TPP có quyền khởi kiện nhân danh mình hoặc nhân danh doanh nghiệp Việt Nam mà nhà đầu tư TPP sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư TPP là cá nhân có quốc tịch Việt Nam và cư trú thường xuyên tại một nước TPP thì không được quyền kiện Nhà nước Việt Nam theo Cơ chế này. Các nhà đầu tư Việt Nam không được sử dụng Cơ chế này.
- **Chủ thể bị kiện** (Bị đơn) theo Cơ chế ISDS của TPP đáng chú ý là không chỉ bao gồm các Cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp trung ương, địa phương mà còn bao gồm bất kỳ chủ thể nào (các doanh nghiệp Nhà nước hoặc chủ thể nào khác), khi thực thi

chức năng của Chính phủ do các Cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp trung ương hoặc địa phương ủy quyền.

- **Căn cứ để khởi kiện** theo Cơ chế ISDS trong TPP là cáo buộc (i) Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại Chương Đầu tư của TPP, vi phạm giấy phép đầu tư hoặc vi phạm một thỏa thuận/hợp đồng đầu tư và (ii) Nguyên đơn phải chịu tổn thất hoặc thiệt hại vì lý do hoặc xuất phát từ vi phạm này của Bị đơn.

Bằng cam kết trong TPP, các nước TPP được coi là đã chấp thuận việc có thể bị khởi kiện bởi các nhà đầu tư TPP ra Trọng tài theo Cơ chế ISDS của TPP một cách tự động. Và vì vậy một vụ việc có thể được khởi xướng chỉ bằng yêu cầu kiện ra Trọng tài đơn phương của nhà đầu tư mà không cần có văn bản chấp thuận cụ thể nào của Nhà nước bị kiện.

Tuy nhiên, đối với trường hợp kiện theo Cơ chế ISDS với cáo buộc Bị đơn vi phạm *thỏa thuận/hợp đồng đầu tư* thì Nhà đầu tư TPP nhà đầu tư có thể không được khởi kiện theo cơ chế giải quyết tranh chấp của Hiệp định này nếu trong hợp đồng đầu tư đó đã có thỏa thuận về cơ chế thay thế để giải quyết tranh chấp phát sinh đáp ứng các yêu cầu về loại cơ chế trọng tài và địa điểm trọng tài như nêu tại Hiệp định.

- **Thời hiệu khởi kiện** theo Cơ chế ISDS này là 3 năm 6 tháng kể từ ngày Nguyên đơn biết hoặc buộc phải biết về vi phạm của Bị đơn và biết về thiệt hại, tổn thất liên quan. Tuy nhiên, song song với kiện theo Cơ chế ISDS, Nguyên đơn vẫn có quyền thực hiện các khiếu nại, khiếu kiện đề nghị áp dụng biện pháp tạm thời (nhưng không phải là kiện đòi bồi thường thiệt hại) ra Tòa án hay cơ quan hành chính của Nước nơi nhận đầu tư.

Việt Nam có bảo lưu riêng về vấn đề này, theo đó nhà đầu tư TPP sẽ mất quyền khởi kiện theo Cơ chế ISDS nếu đã khiếu nại vụ việc theo thủ tục khiếu nại hành chính hoặc khởi kiện ra Tòa án của Việt Nam.

Lưu ý với doanh nghiệp

Cơ chế ISDS trong TPP áp dụng cho nhà đầu tư một nước TPP đầu tư trên lãnh thổ một nước TPP khác, vì vậy nếu doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại các nước TPP, có thể đây sẽ là cơ chế hữu ích để bảo vệ quyền lợi và lợi ích đầu tư của doanh nghiệp nếu cơ quan có thẩm quyền nước sở tại không tuân thủ các nguyên tắc đầu tư cam kết trong TPP.

Từ góc độ của các nhà đầu tư và doanh nghiệp Việt Nam, pháp luật Việt Nam nội địa hiện chưa ghi nhận quyền khởi kiện theo cơ chế ISDS của các nhà đầu tư nội. Vì vậy, nếu có tranh chấp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đầu tư kinh doanh, doanh nghiệp vẫn sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp hiện hành, bao gồm: khiếu nại hành chính (theo pháp luật về khiếu nại), khởi kiện ra trọng tài (theo tố tụng trọng tài nội địa) và/hoặc Tòa án (theo pháp luật tố tụng hành

chính) với phạm vi, điều kiện, thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật nội địa liên quan.

6. Thủ tục tố tụng xử lý tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước sẽ phải tuân thủ các quy tắc gì?

TPP quy định khá chi tiết về nhiều vấn đề liên quan tới thẩm quyền, thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp theo cơ chế ISDS. So với các cơ chế ISDS từng được đưa vào các FTA trước đây trên thế giới, TPP được cho là đã bổ sung các quy định theo hướng tăng tính minh bạch của quá trình tố tụng, mở rộng diện tham gia ý kiến bình luận và hạn chế tình trạng lạm dụng việc đi kiện. Cụ thể:

- *Cơ quan giải quyết tranh chấp* theo Cơ chế ISDS của TPP là Trọng tài ICSID (bao gồm cả cơ chế Trọng tài chính thức và Cơ chế Trọng tài phụ trợ của ICSIS) nếu một trong hai Bên hoặc cả hai là thành viên Công ước ICSID về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế năm 1965; Trọng tài theo nguyên tắc tố tụng UNCITRAL; hoặc bất kỳ thiết chế hoặc quy tắc trọng tài nào mà Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất được với nhau.
- *Thủ tục khởi kiện theo Cơ chế ISDS* được quy định khá chi tiết trong TPP. Theo đó để khởi kiện, trước hết Nguyên đơn và Bị đơn phải tìm giải pháp giải quyết tranh chấp thông qua tham vấn, đàm phán trực tiếp hoặc thông qua các chủ thể trung gian hòa giải trên cơ sở yêu cầu tham vấn chính thức bằng văn bản của Nguyên đơn gửi Bị đơn. Và chỉ khi sau 06 tháng kể từ ngày Bị đơn nhận được yêu cầu tham vấn mà tranh chấp không thể được giải quyết thì lúc này Nguyên đơn mới có thể khởi kiện theo ISDS.
- *Thủ tục tố tụng theo Cơ chế ISDS* được quy định trong Chương Đầu tư của TPP và sẽ áp dụng bắt buộc cho tất cả các tranh chấp giải quyết theo Cơ chế được cho là đã bổ sung một số điểm nhằm tăng cường tính minh bạch của quy trình, tính khách quan của trọng tài và hạn chế các khiếu kiện vô lý (chỉ khiếu kiện để “dọa”/gây sức ép đối với Nhà nước nơi nhận đầu tư).

Một số ví dụ về các quy tắc tố tụng bắt buộc trong Cơ chế ISDS của TPP

- *Nguyên tắc về lựa chọn trọng tài*
 - Để đảm bảo tính khách quan của trọng tài, TPP quy định rõ mỗi bên tranh chấp chọn một trọng tài viên của mình, và trọng tài viên thứ ba phải do cả hai bên thống nhất lựa chọn.
 - TPP cũng quy định các nước TPP sẽ thống nhất hướng dẫn về lựa chọn trọng tài viên cũng như về các điều kiện đảm bảo tính khách quan, độc lập của trọng tài viên trước khi TPP có hiệu lực.
- *Rà soát nhanh để ngăn chặn các khiếu kiện vô lý*

- TPP quy định thủ tục để Hội đồng trọng tài xem xét nhanh các phản đối của Bị đơn về việc trọng tài không có thẩm quyền hoặc về việc đơn kiện của Nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý. Nếu Hội đồng trọng tài đi tới kết luận ủng hộ Bị đơn thì có thể phán quyết dừng vụ việc và yêu cầu Nguyên đơn phải trả các chi phí tố tụng và tư vấn của cả hai bên.
- Cũng như vậy, liên quan tới phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài, TPP cũng quy định nếu Nguyên đơn mới chỉ đang ở giai đoạn “chuẩn bị đầu tư” thì ngay cả khi Nguyên đơn được phán quyết thắng kiện, thì khoản bồi thường mà Bị đơn phải trả cũng chỉ giới hạn ở các thiệt hại gắn với “chuẩn bị đầu tư” đó mà thôi, và Nguyên đơn phải chứng minh được vi phạm của Bị đơn là nguyên nhân dẫn tới thiệt hại đó.
- ***Nguyên tắc minh bạch trong thủ tục tố tụng***
 - TPP quy định nghĩa vụ của Bị đơn trong việc công khai các tài liệu như thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài, các tài liệu, biện luận, phản biện được trình ra Hội đồng trọng tài, các biên bản hoặc bản ghi phiên điều trần, các lệnh, quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài trừ các thông tin mà các bên khi trình Hội đồng trọng tài yêu cầu để ở chế độ mật.
 - TPP cũng yêu cầu các phiên điều trần phải được tiến hành công khai (công chúng có thể tiếp cận) và quy định quyền đệ trình ý kiến của các bên liên quan (trong đó có công đoàn, các tổ chức xã hội...).

Trên thực tế, đây là nguyên tắc đi ngược lại bản chất “bí mật/kín” của thủ tục trọng tài. Việc minh bạch vụ tranh chấp có thể có lợi (ví dụ nếu có thể tranh thủ được sự ủng hộ của nhóm nào đó) nhưng cũng có thể bất lợi cho Nhà nước Việt Nam, nếu là Bị đơn trong các vụ tranh chấp theo cơ chế ISDS (ví dụ nếu các nhà đầu tư TPP khác cũng sử dụng các lập luận tương tự để đi kiện, hoặc các nhóm bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư TPP tham gia vào quá trình tố tụng tạo lợi thế cho nhà đầu tư...).